TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ - ST
Ngày 06 - 11 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Ông Nguyễn Trường Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T C, sinh năm 1983; Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Tổ X, khu phố Y, thị trấn Z, huyện A, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ X, khu phố Y, thị trấn Z, huyện A, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T C trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà C và ông Nguyễn Văn T sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Z, huyện A, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Hiện nay, vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung với nhau được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà C có 01 con chung là Nguyễn Văn Q B, sinh ngày 04/01/2009. Con chung có nguyện vọng được sống cùng với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn Q B, sinh ngày 04/01/2009 và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà C có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà C chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Z, huyện A, tỉnh Bình Dương năm 2007. Sau khi về chung sống thì cuộc sống của hai vợ chồng ông bình thường. Bắt đầu từ năm 2014, vợ ông (bà C) đi làm công ty ở trên huyện Đồng Phú, vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ông cho rằng bà C có người đàn ông khác, bỏ bê không chăm lo gì cho con cái nhưng ông không có chứng cứ chứng minh bà C ngoại tình. Vợ chồng ông cãi nhau, sau đó bà C bỏ nhà đi từ năm 2016 cho đến nay. Ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng ông đã trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên ông đồng ý ly hôn với bà C.

Về con chung: Ông và bà C có 01 người con chung là Nguyễn Văn Q B, sinh ngày 04/01/2009. Hiện nay con đang ở với ông. Ông tôn trọng ý kiến của con về nguyện vọng được sống cùng mẹ nên ông đồng ý để bà C trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nếu sau này bà C không nuôi con được thì ông sẽ yêu cầu được nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án triệu tập bị đơn ông T tham gia phiên tòa nhưng ông không đến tham gia và đây là lần thứ hai ông vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên toà, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị T C và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Z, huyện A, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên bà C nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T. Tại biên bản xác minh ngày 27/5/2019 ở địa phương thì xác nhận vợ chồng bà C, ông T có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay đã sống ly thân. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2019, bị đơn ông T thừa nhận vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên ông đồng ý ly hôn với bà C. Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà C, ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà C được ly hôn với ông T. Về con chung Nguyễn Văn Q B, sinh ngày 04/01/2009 có nguyện vọng được sống cùng bà C, ông T cũng đồng ý để bà C nuôi dưỡng cháu Bảo theo nguyện vọng của cháu nên đề nghị HĐXX giao con chung Nguyễn Văn Q B, sinh ngày 04/01/2009 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn, bị đơn ông T hiện cư trú tại Tổ X, khu phố Y, thị trấn Z, huyện A, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và đây là lần thứ hai ông T vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T C và bị đơn ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn số a1, quyển số a2/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Z, huyện A, tỉnh Bình Dương. Bà C và ông T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn ông T thừa nhận vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Tại biên bản xác minh ngày 27/5/2019 tại địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú thì vợ chồng bà C, ông T thường hay cãi nhau. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị T C được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Bà C và ông T có 01 con chung là Nguyễn Văn Q B, sinh ngày 04/01/2009 theo giấy khai sinh số b1, quyển số b2/2009, đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân thị trấn Z, huyện A, tỉnh Bình Dương vào ngày 09/02/2009. Cháu B có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Bà C có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T tôn trọng nguyện vọng của con nên ông đồng ý với yêu cầu của bà C về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cháu Nguyễn Văn Q B, căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét giao cháu Nguyễn Văn Q B cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T C đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

2. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T C được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

3. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Văn Q B, sinh ngày 04/01/2009 cho bà Nguyễn Thị T C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T C không yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0026225 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Chang